



Công ty Cổ Phần Dịch Vụ  
Bưu Chính Viễn Thông Sài Gòn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mã KH:.....  
Mã HĐ:.....  
Ngày: .....

## HỢP ĐỒNG CUNG CẤP DỊCH VỤ 1900 TƯ VẤN VỀ THÔNG TIN - GIẢI TRÍ - THƯƠNG MẠI

**Căn cứ:**

- Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015;
- Luật Thương mại số 36/2006/QH11 ngày 14/6/2005;
- Luật Viễn thông số 41/2009/QH12 ngày 23/11/2009;
- Các văn bản pháp luật hướng dẫn thi hành có liên quan;
- Nhu cầu và khả năng của các Bên.

**BÊN A (Tổ chức/Cá nhân):** .....  
 Địa chỉ trụ sở: .....  
 Địa chỉ gửi giấy báo cước (nếu có): .....  
 Địa chỉ xuất hóa đơn : .....  
 Điện thoại:..... Fax:.....  
 Mã số thuế:.....  
 Số tài khoản: ..... Ngân hàng : .....  
 Đại diện bởi: ..... Chức vụ: .....

**BÊN B: CN CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG SÀI GÒN - TRUNG TÂM ĐIỆN THOẠI SPT**

Địa chỉ: 90 Đường số 08, KDC Trung Sơn, Bình Hưng Bình Chánh, TP.HCM  
 Điện thoại: (848) 54456868 Fax: (848) 54040507  
 Mã số thuế: 0300849034-001  
 Tài khoản: 188.237.689 Tại: Ngân hàng TMCP Á Châu – Hội Sở TP.HCM  
 Đại diện bởi: **PHAN HẢI HÀ** Chức vụ: **Giám đốc**

Sau khi thỏa thuận, 02 (hai) Bên thống nhất ký Hợp đồng cung cấp dịch vụ 1900 tư vấn về thông tin - giải trí - thương mại , với nội dung như sau:

**ĐIỀU 1. NỘI DUNG HỢP ĐỒNG**

Bên A có nhu cầu, và Bên B đồng ý Cung cấp Dịch vụ Tư vấn về Thông tin, Giải trí, Thương mại 1900 cho Bên A, cụ thể như sau:

STT	Số dịch vụ yêu cầu	Số đích	Địa chỉ lắp đặt thuê bao
01	1900		

**ĐIỀU 2. GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG**

**2.1** Cước cài đặt dịch vụ 1900:

STT	Nội dung	Mức cước (VNĐ/lần)
01	Cước cài đặt 01 (một) số 1900..... (chưa tính chi phí lắp đặt đường dây thuê bao)	
02	Giá số đẹp (nếu có)	

03	Thuế VAT (10%)	
04	<b>Cước phải trả</b>	

(Bảng chữ:.....).

**2.2** Cước quản lý hàng tháng dịch vụ 1900:

STT	Nội dung	Mức cước (VNĐ/tháng)
01	Cước Quản lý số 1900.....	
02	Thuế VAT (10%)	
03	<b>Cước phải trả</b>	

(Bảng chữ :.....).

**2.3** Giá cước và mức cước Phân chia doanh thu dịch vụ 1900.....

**2.3.1** Giá cước dịch vụ 1900 (áp dụng theo bảng giá cước dịch vụ dưới đây, hoặc bảng giá cước dịch vụ do Bên B ban hành vào từng thời điểm (chưa bao gồm thuế VAT)):

Xuất phát cuộc gọi vào dịch vụ 1900.....	Giá cước khách hàng phải trả khi gọi vào số 1900..... (VNĐ/phút)
Từ thuê bao điện thoại cố định, vô tuyến nội thị, di động nội tỉnh, vô tuyến kênh chung MobileNet	
Từ thuê bao di động toàn quốc	

**2.3.2** Mức cước phân chia doanh thu dịch vụ 1900(áp dụng theo bảng mức cước phân chia doanh thu dịch vụ dưới đây, hoặc bảng mức cước phân chia doanh thu dịch vụ do Bên B ban hành vào từng thời điểm (chưa bao gồm thuế VAT)):

Doanh thu (đồng)	Tỷ lệ chiết khấu theo doanh thu (%)
Từ 300.000 < DT < 500.000	
Từ 500.000 ≤ DT < 1 triệu	
Từ 1 triệu ≤ DT < 3 triệu	
Từ 3 triệu ≤ DT < 5 triệu	
Từ 5 triệu ≤ DT < 7 triệu	
Từ 7 triệu trở lên	

**2.3.3** Thời điểm tính cước và đối soát mức cước phân chia doanh thu dịch vụ 1900: căn cứ vào thời điểm hai Bên ký Biên bản nghiệm thu kỹ thuật dịch vụ 1900.

**2.3.4** Thay đổi giá cước và mức cước phân chia doanh thu dịch vụ 1900.....: trong quá trình thực hiện Hợp đồng, giá cước và mức cước phân chia doanh thu dịch vụ có thể thay đổi theo bảng giá cước dịch vụ và/hoặc bảng mức cước phân chia doanh thu dịch vụ của Bên B. Khi đó, Bên B có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho Bên A trước 30 (ba mươi) ngày tính đến ngày áp dụng giá cước dịch vụ và/hoặc mức cước phân chia doanh thu dịch vụ mới. Văn bản thông báo của Bên B gửi cho Bên A về việc áp dụng giá cước dịch vụ và/hoặc mức cước phân chia doanh thu dịch vụ mới phải được sự đồng ý bằng văn bản của Bên A và sẽ được thể hiện trong Phụ lục hợp đồng, Phụ lục hợp đồng là một phần không tách rời của hợp đồng và có hiệu lực thi hành như hợp đồng .

**ĐIỀU 3. THANH TOÁN**

**3.1** Đối với cước cài đặt và cước quản lý số dịch vụ 1900:

**3.1.1** Trong vòng 07 (bảy) ngày kể từ ngày hai Bên ký Hợp đồng này, Bên A phải thanh toán cho Bên B cước cài đặt theo quy định tại Điều 2.1 nêu trên. Sau khi Bên A hoàn tất việc ký Hợp đồng và thanh toán cước cài đặt, Bên B sẽ tiến hành cài đặt/khai báo số dịch vụ 1900 theo yêu cầu của Bên A tại Điều 1 của Hợp đồng trong vòng 02 (hai) ngày làm việc

**3.1.2** Hình thức thanh toán: chuyển khoản.

**3.1.3** Cước cài đặt sẽ không được hoàn lại vì bất cứ lý do gì khi Bên A đã thanh toán cho Bên B theo quy định tại Điều 3 khoản 3.1.1 của Hợp đồng.

3.1.4 Cước quản lý số dịch vụ 1900 hàng tháng nêu tại Điều 2 khoản 2.2 sẽ được Bên A thanh toán cho Bên B (căn cứ vào biên bản nghiệm thu kỹ thuật giữa hai Bên) theo quy trình sau: từ ngày 01 (một) đến ngày 10 (mười) hàng tháng, Bên B có trách nhiệm gửi cho Bên A giấy báo cước ghi phần cước quản lý dịch vụ để Bên A có cơ sở thanh toán. Thời hạn Bên A thanh toán cho Bên B là trong vòng 10 (mười) ngày kể từ ngày Bên A nhận được giấy báo cước từ Bên B.

**3.2** Đối với mức cước phân chia doanh thu dịch vụ 1900\_.....:

3.2.1 Hàng quý, Bên B sẽ gửi thông tin cho Bên A phần doanh thu dịch vụ 1900 mà Bên A được hưởng từ cước phát sinh như quy định tại Điều 2 khoản 2.3 mục 2.3.2 của Hợp đồng này.

3.2.2 Chậm nhất đến hết ngày 30 (ba mươi) của tháng thứ hai sau quý phát sinh cước, Bên B phải thanh toán phần doanh thu dịch vụ 1900 cho Bên A. Đồng thời, Bên A xuất hóa đơn tài chính phần doanh thu được hưởng cho Bên B để Bên B làm căn cứ thanh toán (căn cứ vào số liệu đối soát giữa hai Bên).

3.2.3 Nếu quá thời hạn quy định tại Điều 3.2.1 và 3.2.2 mà Bên B vẫn chưa thu được đầy đủ cước của các thuê bao điện thoại gọi vào số dịch vụ 1900 của Bên A, thì Bên B sẽ chỉ thanh toán chiết khấu cho Bên A theo phần cước thực thu mà Bên B thu được từ khách hàng.

**3.3** Hình thức thanh toán: Bên B thanh toán cho Bên A bằng tiền đồng Việt Nam (VNĐ) theo hình thức chuyển khoản qua tài khoản của Bên A được ghi ở phần đầu của Hợp đồng này.

## **ĐIỀU 4. TRÁCH NHIỆM CÁC BÊN**

### **4.1 Trách nhiệm của Bên A:**

4.1.1 Sử dụng dịch vụ theo đúng các điều khoản thỏa thuận trong Hợp đồng, Phụ lục đính kèm Hợp đồng (nếu có), các quy định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, quy định của Bên B, và các quy định pháp luật khác có liên quan.

4.1.2 Khi muốn tạm ngưng sử dụng dịch vụ 1900, hoặc yêu cầu khôi phục dịch vụ sau thời gian tạm ngưng, Bên A phải gửi văn bản yêu cầu cho Bên B, văn bản này sẽ do Đại diện có thẩm quyền của Bên A ký xác nhận. Thời gian tạm ngưng sử dụng dịch vụ được tính từ ngày hai Bên hoàn thành thủ tục tạm ngưng. Bên A phải thanh toán các chi phí phát sinh bởi các yêu cầu này theo quy định của Bên B (nếu có).

4.1.3 Phối hợp, tạo điều kiện và bảo đảm an toàn cho Bên B trong quá trình Bên B cung cấp dịch vụ, bảo dưỡng và kiểm tra chất lượng dịch vụ tại địa điểm của Bên A.

4.1.4 Bên A có trách nhiệm thông báo giá cước cuộc gọi cố định, di động mà khách hàng phải trả thông qua tổng đài tự động khi gọi vào đầu số 1900\_.....Nếu không thực hiện đúng, Bên A đồng ý:

4.1.4.1 Bên A sẽ không hưởng doanh thu phân chia theo Điều 2 khoản 2.3 mục 2.3.2 của Hợp đồng này

4.1.4.2 Bên A chịu toàn bộ mức phạt theo quy định của các Cơ quan Nhà nước hiện hành.

4.1.5 Bên A cam kết không lợi dụng các chính sách khuyến mãi, bán hàng và các chính sách kinh doanh khác của các nhà mạng khác để nhấn tin hoặc gọi điện đến các đầu số 1900\_..... nhằm mục đích gây hiểu lầm để trục lợi, lừa đảo.

4.1.6 Bên A cam kết không gửi tin quảng cáo, tin nhắn lừa đảo đến khách hàng nhằm hướng dẫn, chào mời khách hàng nhấn tin hoặc gọi điện đến đầu số 1900\_..... Nếu không thực hiện đúng, Bên A đồng ý :

4.1.6.1 Không hưởng doanh thu phân chia đối với các bản tin được xác định là lợi dụng/tin nhắn quảng cáo, tin nhắn lừa đảo theo quy định của các nhà mạng hoặc của pháp luật.

4.1.6.2 Chịu mức phạt tương đương với mức phạt áp dụng cho đầu số 1900\_.....trong tháng phát sinh hiện tượng lợi dụng/nhắn tin quảng cáo. (theo  *nghị định số 15/2020/NĐ-CP của chính phủ về “Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử”*)

4.1.7 Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

### **4.2 Trách nhiệm của Bên B:**

4.2.1 Cung cấp dịch vụ như quy định tại Điều 1 Hợp đồng này theo đúng tiêu chuẩn chất lượng do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quy định và/hoặc Bên B công bố.

- 4.2.2 Trong vòng 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày hai Bên ký kết Hợp đồng, Bên B sẽ cài đặt dịch vụ 1900 cho Bên A theo quy định tại Hợp đồng này.
- 4.2.3 Thanh toán phần doanh thu từ việc khách hàng gọi vào dịch vụ 1900 cho Bên A đầy đủ, đúng hạn và chịu mọi chi phí phát sinh (phí chuyển tiền, phí ngân hàng và các chi phí khác có liên quan) khi thanh toán cho Bên A.
- 4.2.4 Cung cấp cho Bên A số liệu mà Bên B quản lý về doanh thu cước, lưu lượng cuộc gọi hàng tháng đến số dịch vụ 1900 đã cấp cho Bên A.
- 4.2.5 Thông báo cho Bên A biết những thay đổi (nếu có) về giá cước dịch vụ 1900 mà Bên B thu của khách hàng và/hoặc mức cước phân chia doanh thu dịch vụ 1900 cho Bên A trong quá trình thực hiện Hợp đồng.
- 4.2.6 Bảo đảm an toàn, bí mật thông tin sử dụng dịch vụ của Bên A, trừ trường hợp cần tiết lộ theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
- 4.2.7 Khắc phục sự cố liên quan đến dịch vụ 1900 nếu sự cố đó thuộc trách nhiệm của Bên B.
- 4.2.8 Tiếp nhận và giải quyết kịp thời các khiếu nại của Bên A liên quan đến dịch vụ theo quy định của Bên B.
- 4.2.9 Tạm ngưng và khôi phục dịch vụ cho Bên A theo quy định tại Điều 5 Hợp đồng này.
- 4.2.10 Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

## **ĐIỀU 5. TẠM NGỪNG VÀ KHÔI PHỤC DỊCH VỤ**

**5.1** Tạm ngưng dịch vụ: Bên B được quyền tạm ngưng cung cấp một phần, hoặc toàn bộ dịch vụ cho Bên A nhưng phải thông báo bằng văn bản hoặc các kênh truyền thông khác cho Bên A ít nhất trước 02 (hai) ngày tính đến thời điểm tạm ngưng (trừ trường hợp quy định tại khoản 5.1.3 và khoản 5.1.4 Điều này) khi phát sinh một trong các sự kiện sau:

- 5.1.1 Bên A chậm thanh toán cho Bên B cước cài đặt dịch vụ 1900 nêu tại Điều 3.1.1 Hợp đồng này.
- 5.1.2 Bên B tổ chức nâng cấp, tu bổ, sửa chữa mạng lưới theo kế hoạch.
- 5.1.3 Bên A có yêu cầu tạm ngưng sử dụng dịch vụ.
- 5.1.4 Do trường hợp bất khả kháng.
- 5.1.5 Do Bên A không thực hiện nội dung tại Điều 4.1.4
- 5.1.6 Các trường hợp khác do pháp luật quy định.

Thời hạn tạm ngưng cung cấp dịch vụ trong các trường hợp nêu từ Điều 5.1.1 đến Điều 5.1.3 bên trên tối đa là 60 (sáu mươi) ngày. Trong thời gian tạm ngưng cung cấp dịch vụ theo yêu cầu của Bên A, Bên A vẫn phải thanh toán cho Bên B phần cước quản lý dịch vụ 1900 theo quy định tại Điều 2 khoản 2.2 của Hợp đồng này.

**5.2** Khôi phục dịch vụ: việc tạm ngưng dịch vụ theo quy định tại Điều 5.1 của Hợp đồng sẽ được Bên B khôi phục lại trong thời gian không quá 06 (sáu) giờ tính từ lúc sự kiện bất khả kháng chấm dứt; hoặc khi Bên B hoàn thành việc nâng cấp, tu bổ, sửa chữa mạng lưới; hoặc kể từ khi Bên A thông báo bằng văn bản cho Bên B về việc yêu cầu khôi phục dịch vụ; hoặc Bên A đã hoàn tất các biện pháp khắc phục theo yêu cầu của Bên B.

## **ĐIỀU 6. CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG**

**6.1** Hợp đồng này chấm dứt trong các trường hợp sau:

- 6.1.1 Hết thời hạn quy định tại Điều 9.3 dưới đây và các Bên không có nhu cầu gia hạn Hợp đồng. Khi đó, các Bên phải thông báo cho nhau bằng văn bản trước 30 (ba mươi) ngày làm việc tính đến ngày hết thời hạn hiệu lực của Hợp đồng.
- 6.1.2 Hai Bên thỏa thuận chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn. Khi đó, Bên muốn chấm dứt Hợp đồng phải thông báo bằng văn bản cho Bên còn lại ít nhất trước 30 (ba mươi) ngày làm việc tính đến ngày dự kiến chấm dứt.
- 6.1.3 Bên B đơn phương chấm dứt Hợp đồng trong các trường hợp sau, nhưng phải thông báo bằng văn bản cho Bên A ít nhất trước 10 (mười) ngày kể từ ngày dự kiến chấm dứt:
- Hết thời hạn tạm ngưng cung cấp dịch vụ đối với Điều 5.1.1 mà Bên A vẫn chưa thanh toán đầy đủ nợ cước cài đặt dịch vụ cho Bên B.

- b. Sau 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày hết thời hạn tạm ngưng cung cấp dịch vụ đối với Điều 5.1.3 của Hợp đồng mà Bên A không tiến hành các thủ tục yêu cầu khôi phục dịch vụ.

6.1.4 Do trường hợp bất khả kháng.

6.1.5 Các trường hợp khác do pháp luật quy định.

**6.2** Trong trường hợp tổng doanh thu cước sau 06 (sáu) tháng liên tục không đạt doanh thu tối thiểu là ..... VNĐ (*bằng chữ*:.....) kể từ ngày nghiệm thu kỹ thuật giữa hai Bên, Bên B sẽ tiến hành việc thu hồi số 1900\_..... và thanh lý Hợp đồng cung cấp dịch vụ với Bên A.

**6.3** Trong vòng 10 (mười) ngày kể từ khi chấm dứt Hợp đồng, hai Bên sẽ tiến hành thủ tục thanh lý Hợp đồng. Trước khi ký Biên bản thanh lý Hợp đồng, hai Bên có trách nhiệm thanh toán cho nhau mọi khoản nợ và bồi thường thiệt hại (nếu có).

## **ĐIỀU 7. BẤT KHẢ KHÁNG**

**7.1** Các trường hợp bất khả kháng là mọi trường hợp mà một trong các Bên không thể hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ trong Hợp đồng vì các nguyên nhân ngoài tầm kiểm soát hợp lý của Bên đó, bao gồm nhưng không chỉ giới hạn như thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh, bắt buộc tuân theo các chính sách, hay quyết định ban hành bởi các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, làm thay đổi, hoặc ảnh hưởng đến các quy định trong Hợp đồng.

**7.2** Một Bên (“Bên bị ảnh hưởng”) được xem là không thể thực hiện một phần, hoặc toàn bộ nghĩa vụ đã thỏa thuận trong Hợp đồng như quy định tại khoản 7.1 Điều này khi hội đủ các điều kiện sau đây:

7.2.1 Sự kiện bất khả kháng là nguyên nhân trực tiếp gây ra trở ngại, hoặc cản trở Bên bị ảnh hưởng thực hiện các nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng;

7.2.2 Bên bị ảnh hưởng đã hết sức cố gắng để làm giảm, hoặc tránh thiệt hại, và khắc phục hậu quả do sự kiện bất khả kháng gây ra;

7.2.3 Bên bị ảnh hưởng đã gửi thông báo bằng văn bản cho Bên kia biết về mọi thông tin liên quan đến sự kiện bất khả kháng trong vòng 05 (năm) ngày kể từ khi sự kiện bất khả kháng xảy ra. Văn bản thông báo này phải nêu rõ lý do trì hoãn, hoặc không thể thực hiện được một phần, hay toàn bộ nghĩa vụ theo Hợp đồng, các biện pháp cần thiết đã áp dụng để khắc phục. Văn bản thông báo sự kiện bất khả kháng phải có xác nhận của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

**7.3** Khi xảy ra trường hợp bất khả kháng như quy định tại Điều 7.1 và Điều 7.2 nêu trên, hai Bên sẽ cùng thương lượng để tìm ra một giải pháp hợp lý. Nếu không thể đạt được thỏa thuận, thì bất kỳ Bên nào cũng đều có quyền chấm dứt Hợp đồng mà không phải chịu bất cứ hình thức chế tài nào.

## **ĐIỀU 8. VI PHẠM HỢP ĐỒNG**

Nếu một trong hai Bên vi phạm các nội dung đã thỏa thuận trong Hợp đồng này, trừ trường hợp bất khả kháng, thì ngoài việc phải chịu một khoản tiền phạt không vượt quá 8% (tám phần trăm) giá trị phần nghĩa vụ Hợp đồng bị vi phạm, Bên vi phạm phải bồi thường mọi thiệt hại phát sinh cho Bên bị vi phạm.

## **ĐIỀU 9. ĐIỀU KHOẢN CHUNG**

**9.1** Hai Bên cam kết thi hành đúng các điều khoản của Hợp đồng. Mọi sửa đổi, bổ sung Hợp đồng chỉ có hiệu lực khi được hai Bên thống nhất bằng văn bản (trừ trường hợp quy định tại Điều 2.3.4 nêu trên). Các văn bản này (nếu có) là phần không thể tách rời Hợp đồng.

**9.2** Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, nếu phát sinh tranh chấp, hai Bên sẽ cùng thương lượng, giải quyết trên tinh thần bình đẳng, hợp tác, đôi Bên cùng có lợi. Trường hợp không thể thỏa thuận được, thì một trong các Bên đều có quyền đưa vụ việc ra Tòa án nhân dân cấp có thẩm quyền giải quyết. Phán quyết của Tòa có giá trị thi hành đối với các Bên. Án phí do Bên thua kiện chịu.

**9.3** Hợp đồng này có thời hạn 01 (một) năm tính từ ngày hai Bên ký Biên bản nghiệm thu kỹ thuật dịch vụ, và sẽ tự động gia hạn theo từng năm một cho đến khi Hợp đồng chấm dứt theo Điều 6 nêu trên.

**9.4** Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày ký, và được lập thành 04 (bốn) bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ 02 (hai) bản.

**ĐẠI DIỆN BÊN A**

**ĐẠI DIỆN BÊN B**

**PHAN HẢI HÀ**